

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 274/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Hà;

Bà Trần Thị Đẹp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh **cơ sở 2 xét** xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Quang P, sinh ngày 14/4/1998; số căn cước công dân: 038098013281 cấp ngày 13/3/2021; địa chỉ thường trú: thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa); nơi ở hiện tại: 2004 12TH AVE E VANCOUVER, BC, V5N 2A8; vắng mặt; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Chu Ngọc A, sinh ngày 22/12/2001; số căn cước công dân: 074301000266 cấp ngày 10/4/2021; địa chỉ thường trú: số H khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (số H khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); **địa chỉ liên lạc:** B B, Lebanon, TN 37090 USA (Hoa Kỳ); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2024 và văn bản trình bày ý kiến ngày **27/12/2024** của nguyên đơn ông Trần Quang P trình bày:

Ông Trần Quang P và bà Hoàng Chu Ngọc A tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, **thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Hồ Chí Minh)** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 02/6/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, mỗi người chọn một hướng đi khác nhau.

Ông P xuất cảnh đến sinh sống và làm việc tại địa chỉ số B 12TH AVE E VANCOUVER, BC, V5N 2A8, Canada; còn bà A xuất cảnh đến Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Hiện nay, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau và không còn liên lạc. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P nộp đơn ly hôn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông P yêu cầu được ly hôn với bà A.
- Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Hoàng Chu Ngọc A: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho bà A các văn bản như: Đơn khởi kiện ngày 23/12/2024; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; văn bản trình bày ý kiến ngày 27/12/2024 đơn xin giải quyết vắng mặt của nguyên đơn ông P; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); Thông báo thụ lý vụ án số 57/TB-TLVA ngày 26/12/2024; Công văn số 13/TA-GĐ ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà A nhận được các văn bản nêu trên theo mã vận đơn Waybill 8644815001 vào lúc 11 giờ 16 phút, ngày 26/3/2025 nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa nguyên đơn ông Trần Quang P và bị đơn bà Hoàng Chu Ngọc A là hợp pháp. Vợ chồng kết hôn nhưng trong quá trình chung sống xảy ra bất đồng, mâu thuẫn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm; cả hai xuất cảnh đến sinh sống tại hai đất nước khác nhau, vợ chồng không còn liên lạc, yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét thấy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Quang P khởi kiện bà Hoàng Chu Ngọc A về việc ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”. Ông P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa); nơi ở hiện tại: 2004 12TH AVE E VANCOUVER, BC, V5N 2A8. Bà A đăng ký hộ khẩu tại số H khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số H khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện đang sống và làm việc tại địa chỉ: B B, Lebanon, TN 37090 USA (Hoa Kỳ). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình và các Điều 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: ông P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt và đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bà Hoàng Chu Ngọc A theo quy định các văn bản như: Đơn khởi kiện ngày 23/12/2024; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; văn bản trình bày ý kiến ngày 27/12/2024 đơn xin giải quyết vắng mặt của nguyên đơn ông P; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); Thông báo thụ lý vụ án số 57/TB-TLVA ngày 26/12/2024; Công văn số 13/TA-GĐ ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa (lần thứ nhất, lần thứ hai), bà A đã nhận được các văn bản nêu trên nhưng không gửi văn bản cho Tòa án và vắng mặt tại các phiên tòa như đã thông báo. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Quang P và bà Hoàng Chu Ngọc A là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông P và bà A là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cả hai sống chung hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì bất đồng quan điểm sống, không chung sống với nhau, cả hai xuất cảnh đến hai đất nước khác nhau sinh sống và làm việc. Cả hai, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, hạnh phúc đổ vỡ, không còn liên lạc và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì quyền lợi chung của hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp và tổng đạt văn bản ra nước ngoài: Ông Trần Quang P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 474, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang P đối với bà Hoàng Chu Ngọc A về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang P ly hôn bà Hoàng Chu Ngọc A.
- Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Quang P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003582, ngày 24/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về chi phí dịch thuật, gửi bưu chính và ủy thác tư pháp: Ông Trần Quang P tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Quang P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Hoàng Chu Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
 - THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN 62.
- (11)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Cao Nhật Thanh